

NỘI DUNG ÔN TẬP ĐÁNH GIÁ CUỐI KỲ 1
MÔN LỊCH SỬ KHỐI 12
NĂM HỌC 2025 - 2026

I. NỘI DUNG KIỂM TRA

Bài 1: LIÊN HỢP QUỐC

Bài 2: TRẬT TỰ THẾ GIỚI TRONG CHIẾN TRANH LẠNH

Bài 3: TRẬT TỰ THẾ GIỚI SAU CHIẾN TRANH LẠNH

Bài 4: SỰ RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA HIỆP HỘI CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á (ASEAN)

Bài 5: CỘNG ĐỒNG ASEAN: TỪ Ý TƯỞNG ĐẾN HIỆN THỰC

Bài 6. CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945

BÀI 7. CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1945 – 1954)

BÀI 8. CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (1954 - 1975)

BÀI 9: ĐẤU TRANH BẢO VỆ TÔ QUỐC TỬ SAU THÁNG 4 NĂM 1975 ĐẾN NAY. MỘT SỐ BÀI HỌC LỊCH SỬ CỦA CÁC CUỘC KHÁNG CHIẾN BẢO VỆ TÔ QUỐC TỬ NĂM 1945 ĐẾN NAY

II. HÌNH THỨC KIỂM TRA: THEO HÌNH THỨC CỦA SỞ GD-ĐT

DỰ KIẾN

Trắc nghiệm: 24 câu (60 % - 6.0 điểm)

Trắc nghiệm (Đúng-Sai) : 4 câu (40% - 4.0 điểm)

Thời gian kiểm tra: 45 phút

CHỦ ĐỀ 1. THẾ GIỚI TRONG VÀ SAU CHIẾN TRANH LẠNH

BÀI 1. LIÊN HỢP QUỐC

1. Một số vấn đề cơ bản về Liên hợp quốc

a. Bối cảnh lịch sử và quá trình hình thành.

** Bối cảnh lịch sử:* Vào giai đoạn cuối của Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước Đồng minh thấy sự cần thiết phải hợp tác để tiêu diệt chủ nghĩa phát xít, kết thúc chiến tranh, đồng thời xác lập một tổ chức quốc tế nhằm duy trì hoà bình và trật tự thế giới sau tranh. Điều này cũng phù hợp với khát vọng được sống trong hoà bình của nhân dân thế giới.

** Quá trình hình thành:*

- Ngày 12-6-1941: Các nước Đồng minh ra bản tuyên bố Luân Đôn, cam kết cùng hợp tác, cả trong chiến tranh và hoà bình.

- Ngày 30-10-1943 Tại Mát-xcơ-va (Liên Xô), chính phủ Liên Xô, Mỹ, Anh, Trung Hoa Dân Quốc kêu gọi sớm thành lập một tổ chức quốc tế để duy trì hoà bình và an ninh.

- Từ 28-11 đến 1-12-1943: Tại Hội nghị Tê-hê-ran (Iran), nguyên thủ ba nước: Liên Xô, Mỹ, Anh khẳng định quyết tâm thành lập Liên hợp quốc

- Tháng 2-1945: Tại Hội nghị Ian-ta (Liên Xô), nguyên thủ ba nước Liên Xô, Mỹ, Anh thống nhất thành lập tổ chức Liên hợp quốc để duy trì hoà bình và an ninh quốc tế.

- Từ 25-4 đến 26-6-1945: Đại diện 50 nước họp tại Xan Phran-xi-xcô (Mỹ) thông qua Hiến chương Liên hợp quốc.

- Ngày 24-10-1945: Với sự phê chuẩn Hiến chương của các nước thành viên, Liên hợp quốc chính thức được thành lập.

b. Mục tiêu, nguyên tắc hoạt động.

** Mục tiêu:*

- Duy trì hoà bình và an ninh quốc tế.

- Thúc đẩy quan hệ hữu nghị giữa các quốc gia trên cơ sở tôn trọng quyền bình đẳng, quyền tự quyết dân tộc.

- Hợp tác quốc tế để giải quyết các vấn đề kinh tế, xã hội, văn hoá, nhân đạo, bảo đảm quyền con người và những quyền tự do cơ bản.

- Là trung tâm điều hoà hành động của các quốc gia vì những mục tiêu chung.

*** Nguyên tắc hoạt động:**

- Bình đẳng về chủ quyền của tất cả các quốc gia.

- Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của các quốc gia.

- Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hoà bình.

- Không đe doạ bằng vũ lực hoặc sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế.

- Không can thiệp vào công việc thuộc thẩm quyền nội bộ của các nước.

- Tôn trọng các nghĩa vụ quốc tế và luật pháp quốc tế.

2. Vai trò của Liên hợp quốc

a. Duy trì hòa bình, an ninh quốc tế.

- Ngăn chặn các cuộc xung đột; làm trung gian hoà giải các cuộc xung đột và khủng hoảng quốc tế tại nhiều khu vực trên thế giới; triển khai hoạt động gìn giữ hoà bình, tạo điều kiện để hoà bình được duy trì bền vững.

- Góp phần ngăn chặn không để xảy ra một cuộc chiến tranh thế giới mới từ năm 1945 đến nay.

- Soạn thảo và xây dựng một hệ thống các công ước quốc tế về giải trừ quân bị, chống chạy đua vũ trang, hạn chế vũ khí hạt nhân,...tạo khuôn khổ pháp lí cho việc ngăn chặn phổ biến vũ khí huỷ diệt hàng loạt.

- Thúc đẩy quá trình phi thực dân hoá, thủ tiêu hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân, chấm dứt các hình thức của chế độ phân biệt chủng tộc.

b. Thúc đẩy phát triển.

- Ưu tiên tạo môi trường thuận lợi để thúc đẩy hợp tác quốc tế về kinh tế, tài chính, thương mại, khoa học, kĩ thuật thông qua các chương trình, quỹ trực thuộc, các tổ chức chuyên môn và các tổ chức liên chính phủ.

- Có nhiều chương trình hỗ trợ các nước về vốn, tri thức, kĩ thuật, nhân lực,... để phát triển kinh tế, nâng cao đời sống người dân, đặc biệt là đối với các nước đang phát triển.

- Năm 2015, Liên hợp quốc thông qua Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững, đặt ra 17 mục tiêu, hành động mang tính toàn cầu đến năm 2030.

c. Đảm bảo quyền con người, phát triển văn hóa, xã hội.

- nỗ lực thúc đẩy việc xây dựng và kí kết những văn bản, điều ước quốc tế quan trọng nhằm bảo đảm quyền cơ bản của con người, xây dựng một thế giới an toàn hơn, công bằng hơn và tạo cơ hội phát triển cho tất cả mọi người.

- Năm 2000, Liên hợp quốc đã đề ra Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỉ, nhằm xoá bỏ đói nghèo, hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học, tăng cường bình đẳng giới, phòng chống HIV/AIDS, sốt rét và các bệnh dịch khác, bảo đảm bền vững môi trường,...

- Liên hợp quốc cũng có sự hỗ trợ hiệu quả đối với các nước trong quá trình phát triển văn hoá, xã hội, giáo dục, y tế.

BÀI 2. TRẬT TỰ THẾ GIỚI TRONG CHIẾN TRANH LẠNH

1. Sự hình thành và tồn tại của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta

a. Sự hình thành Trật tự thế giới hai cực I-an-ta

- **Đầu năm 1945:** Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc, nhiều vấn đề quan trọng và cấp bách đặt ra với các nước Đồng minh:

+ Nhanh chóng đánh bại hoàn toàn chủ nghĩa phát xít

+ Tổ chức lại thế giới sau chiến tranh

+ Phân chia quyền lợi giữa các nước thắng trận,...

- **Từ ngày 4 đến ngày 11-2-1945:** tại thành phố I-an-ta (Liên Xô) đã diễn ra hội nghị giữa ba cường quốc: Liên Xô, Mỹ, Anh.

- **Hội nghị đưa ra nhiều quyết định quan trọng:**

+ Thống nhất mục tiêu chung trong việc tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật

+ Thành lập tổ chức Liên hợp quốc để duy trì hoà bình và an ninh quốc tế

+ Thoả thuận về việc phân chia phạm vi ảnh hưởng giữa các nước lớn, chủ yếu là giữa Liên Xô và Mỹ ở châu Âu, châu Á sau chiến tranh.

- **Tác động:** Những quyết định của Hội nghị I-an-ta cùng những thoả thuận sau đó giữa ba cường quốc tại Hội nghị Potsdam (Đức) tháng 7-1945 đã trở thành khuôn khổ của một trật tự thế giới mới, thường được gọi là “Trật tự thế giới hai cực I-an-ta”.

=> Trật tự thế giới hai cực I-an-ta hình thành đã chia thế giới thành hai cực đối lập: cực Liên Xô và cực Mỹ

b. Sự tồn tại Trật tự thế giới hai cực I-an-ta

Trật tự thế giới hai cực I-an-ta tồn tại từ năm 1945 đến năm 1991, chi phối toàn bộ đời sống chính trị thế giới trong nửa sau thế kỉ XX, trải qua **2 giai đoạn:**

- **Giai đoạn từ năm 1945 đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX:** Trật tự thế giới hai cực I-an-ta xác lập và phát triển với sự đối đầu về tư tưởng, chính trị, kinh tế, quân sự,... giữa một bên là cực Mỹ, đứng đầu hệ thống tư bản chủ nghĩa và một bên là cực Liên Xô, đứng đầu hệ thống XHCN.

+ Quan hệ quốc tế giữa hai cực trở nên căng thẳng khi Mỹ phát động cuộc Chiến tranh lạnh (1947) nhằm chống lại Liên Xô và các nước Đông Âu.

+ Mỹ và Liên Xô tăng cường chạy đua vũ trang, thành lập liên minh quân sự ở nhiều khu vực, khiến thế giới luôn trong tình trạng căng thẳng. Các cuộc chiến tranh cục bộ diễn ra ở nhiều nơi, tiêu biểu là chiến tranh Triều Tiên (1950 - 1953), chiến tranh xâm lược Đông Dương của Pháp (1945 - 1954), chiến tranh xâm lược Việt Nam của Mỹ (1954-1975),...

- **Giai đoạn từ đầu những năm 70 của thế kỉ XX đến năm 1991:** Trật tự thế giới hai cực I-an-ta xói mòn và đi đến sụp đổ.

+ Đầu những năm 70 của thế kỉ XX, Chiến tranh lạnh vẫn diễn ra nhưng xu thế hoà hoãn Đông - Tây bắt đầu xuất hiện. Liên Xô và Mỹ đạt được những thoả thuận bước đầu về hạn chế vũ khí chiến lược, tiến hành các cuộc gặp gỡ cấp cao.

+ Sự tan rã của Liên Xô năm 1991 đã chính thức chấm dứt sự tồn tại của Trật tự với hai cực I-an-ta.

2. Nguyên nhân, tác động của sự sụp đổ Trật tự thế giới hai cực I-an-ta

a. Nguyên nhân

+ Chạy đua vũ trang cả Liên Xô Mỹ tốn kém, suy giảm thế mạnh kinh tế buộc hai bên phải tự điều chỉnh, từng bước hạn chế căng thẳng.

+ Sự vươn lên của các nước trên thế giới nhằm thoát khỏi ảnh hưởng của hai cực thặng lợi của phong trào giải phóng dân tộc và sự ra đời của hàng loạt các quốc gia độc lập.

+ Sự thay đổi trong cán cân kinh tế thế giới, đặc biệt là sự nổi lên của Nhật Bản và các nước Tây Âu.

+ Xu thế hoà hoãn, toàn cầu hoá và ảnh hưởng của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba.

+ Sự khủng hoảng, suy yếu rồi tan rã của Liên Xô - quốc gia đứng đầu hệ thống xã hội chủ nghĩa.

b. Tác động

- Trật tự thế giới hai cực I-an-ta sụp đổ có tác động lớn đến thế giới, đưa tới xu thế phát triển mới, cụ thể là:

+ Trong quan hệ quốc tế, một trật tự thế giới mới dần hình thành theo xu thế đa cực. Mỹ tiếp tục là siêu cường có sức mạnh vượt trội, nhưng phạm vi ảnh hưởng bị thu hẹp ở nhiều nơi.

+ Trật tự thế giới hai cực I-an-ta sụp đổ đã mở ra chiều hướng và những điều kiện để giải quyết hoà bình các cuộc tranh chấp, xung đột như ở Áp-ga-ni-xtan, Cam-pu-chia, Na-mi-bi-a,...

+ Sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta cũng tạo điều kiện cho các cường quốc mới nổi có vị trí, vai trò lớn hơn trong quan hệ quốc tế, đặc biệt là Trung Quốc, Ấn Độ và một số nước lớn ở châu Âu.

+ Sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta còn có những tác động không nhỏ đến vấn đề dân tộc, bản sắc cộng đồng, tôn giáo,... ở nhiều nơi trên thế giới, đặc biệt là ở châu Âu.

BÀI 3. TRẬT TỰ THẾ GIỚI SAU CHIẾN TRANH LẠNH

1. Xu thế phát triển chính của thế giới sau Chiến tranh lạnh

- Sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc, thế giới phát triển theo những xu thế chính sau:

+ **Xu thế đa cực** (thể hiện rõ từ đầu thế kỉ XXI).

+ **Xu thế lấy phát triển kinh tế là trung tâm**: kinh tế trở thành nhân tố quyết định sức mạnh tổng hợp của từng quốc gia, đồng thời đóng vai trò trung tâm trong quan hệ quốc tế.

+ **Xu thế đối thoại, hợp tác trong quan hệ quốc tế**: quan hệ giữa các nước được điều chỉnh theo hướng tăng cường đối thoại, giải quyết bất đồng và mâu thuẫn bằng thương lượng hoà bình, hợp tác cùng có lợi.

+ **Xu thế toàn cầu hoá**: thể hiện ở sự phát triển mạnh mẽ của thương mại quốc tế; sự mở rộng của các công ty xuyên quốc gia; sự ra đời của các tổ chức liên kết thương mại, tài chính quốc tế,...

2. Xu thế đa cực trong quan hệ quốc tế

a. Khái niệm đa cực

- Trong quan hệ quốc tế, đa cực là khái niệm chỉ trạng thái địa - chính trị toàn cầu với nhiều trung tâm quyền lực chi phối. Trong trật tự đa cực, không có một trung tâm quyền lực thống trị, thay vào đó, nhiều quốc gia, khu vực tạo ra thế cân bằng về kinh tế, chính trị, quân sự toàn cầu.

- Khái niệm đa cực được dùng chủ yếu để chỉ trật tự thế giới sau Chiến tranh lạnh. Trong trật tự mới này, các nước tăng cường sức mạnh tổng hợp để vươn lên khẳng định ảnh hưởng.

b. Xu thế đa cực

- **Sau khi các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu sụp đổ và Liên Xô tan rã**, Trật tự thế giới hai cực I-an-ta không còn. Mỹ trở thành siêu cường duy nhất, có sức mạnh vượt trội và ra sức thiết lập thế giới đơn cực.

- **Đầu thế kỉ XXI, trật tự thế giới từng bước chuyển sang đa cực, biểu hiện**:

+ Mỹ bị suy giảm sức mạnh tương đối trong tương quan so sánh với các cường quốc khác.

+ Các trung tâm quyền lực ngày càng vươn lên, khẳng định sức mạnh về kinh tế, quân sự, chính trị đối với thế giới.

+ Vai trò của các trung tâm, tổ chức kinh tế, tài chính quốc tế và khu vực ngày càng lớn. Hoạt động của các công ty xuyên quốc gia cũng có ảnh hưởng ngày càng lớn trong các ngành, các lĩnh vực của nền kinh tế thế giới.

- **Trong một thế giới đa cực**, các quốc gia vừa cạnh tranh vừa hợp tác nhằm vươn lên và khẳng định vị thế của mình. Xu thế đa cực đem lại những thời cơ lớn nhưng cũng tạo ra không ít thách thức cho các nước.

CHỦ ĐỀ 2. ASEAN: NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ

BÀI 4. SỰ RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA HIỆP HỘI CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á (ASEAN)

1. Quá trình hình thành và mục đích thành lập của ASEAN

a. Quá trình hình thành

- **Sau khi giành độc lập dân tộc**, các quốc gia Đông Nam Á từng bước xây dựng và phát triển kinh tế, đưa tới nhu cầu hợp tác khu vực. Điều này cũng được thúc đẩy bởi sự phát triển của xu thế khu vực hoá trên thế giới xuất hiện từ những năm 50, 60 của thế kỉ XX.

- Trong bối cảnh nhiều nước Đông Nam Á muốn hạn chế ảnh hưởng của các cường quốc bên ngoài, đồng thời thúc đẩy hợp tác và tương trợ lẫn nhau, từ những năm 60 của thế kỉ XX, một số tổ chức khu vực đã ra đời ở Đông Nam Á, như:

+ Năm 1961: Ma-lai-xi-a, Thái Lan và Phi-lip-pin thoả thuận thành lập Hiệp hội Đông Nam Á (ASA).

+ Năm 1963: Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin, In-đô-nê-xi-a thoả thuận thành lập tổ chức MAPHILINDO.

+ Năm 1966: Ngoại trưởng Thái Lan gửi ngoại trưởng các nước Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Phi-lip-pin và Xin-ga-po dự thảo về việc thành lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.

- Ngày 8-8-1967, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập tại Băng Cốc (Thái Lan) với năm nước sáng lập là In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin, Xin-ga-po và Thái Lan.

b. Mục đích thành lập của ASEAN

- Tổ chức ASEAN ra đời hướng tới những mục đích chính sau:

+ **Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế**, tiến bộ xã hội và phát triển văn hoá trong khu vực thông qua hợp tác, hướng tới một Đông Nam Á hoà bình và thịnh vượng.

+ **Thúc đẩy hoà bình, ổn định khu vực** thông qua tôn trọng công lí và nguyên tắc luật pháp trong quan hệ giữa các nước thành viên, tuân thủ Hiến chương Liên hợp quốc.

+ **Thúc đẩy hợp tác**, tích cực giúp đỡ lẫn nhau về kinh tế, xã hội, văn hoá, khoa học, kĩ thuật, hành chính.

2. Quá trình phát triển của ASEAN

a. Từ ASEAN 5 (1967) đến ASEAN 10 (1999)

- Trong giai đoạn 1967 - 1999, ASEAN đã phát triển từ ASEAN 5 lên ASEAN 10.

+ **1967**: ASEAN được thành lập (5 nước thành viên)

+ **1984**: Bru-nây gia nhập ASEAN (thành viên thứ 6)

+ **1995**: Việt Nam gia nhập ASEAN (thành viên thứ 7)

+ **1997**: Lào và Mi-an-ma gia nhập ASEAN (thành viên thứ 8, thứ 9)

+ **1999**: Cam-pu-chia gia nhập ASEAN (thành viên thứ 10)

→ Việc 10 nước trong khu vực trở thành thành viên ASEAN đánh dấu bước phát triển trong liên kết khu vực ở Đông Nam Á.

b. Các giai đoạn phát triển chính của ASEAN

- Giai đoạn từ 1967 đến 1976:

+ Thành lập và bước đầu phát triển về cơ cấu tổ chức, nguyên tắc hoạt động.

+ Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN là cơ chế hoạch định chính sách cao nhất.

+ Năm 1971, ASEAN ra Tuyên bố về khu vực hoà bình, tự do và trung lập.

+ Hiệp ước Bali được kí kết năm 1976 là sự kiện đánh dấu bước ngoặt của ASEAN, thể hiện cam kết cao nhất của các nước thành viên nhằm xây dựng hòa bình, hữu nghị, hợp tác trong khu vực.

- Giai đoạn từ 1976 đến 1999:

+ Thiết lập quan hệ chính trị ổn định trong khu vực, mở rộng thành viên và từng bước nâng cao vị thế của ASEAN trên trường quốc tế.

+ Từ sau Hiệp ước Ba-li (1976), Hội nghị Thượng đỉnh là cơ chế hoạch định chính sách cao nhất, Ban thư kí ASEAN được thành lập, có trụ sở tại Gia-các-ta (In-đô-nê-xi-a). ASEAN phát triển số lượng thành viên từ 5 lên 10 nước.

+ ASEAN cũng tham gia giải quyết nhiều vấn đề chính trị, an ninh lớn trong khu vực như vấn đề Cam-pu-chia.

- Giai đoạn từ 1999 đến 2015:

+ Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, tăng cường hợp tác nội khối và hợp tác quốc tế, từng bước chuẩn bị cho sự ra đời của Cộng đồng ASEAN.

+ Năm 2007, Hiến chương ASEAN được thông qua.

- **Giai đoạn từ 2015 đến nay:**

+ Cộng đồng ASEAN được xây dựng và phát triển với ba trụ cột chính là Cộng đồng Chính trị - An ninh, Cộng đồng Kinh tế và Cộng đồng Văn hoá - Xã hội.

+ ASEAN tăng cường hợp tác và kết nối khu vực, đồng thời không ngừng nâng cao vị thế trong khu vực và trên thế giới.

BÀI 5. CỘNG ĐỒNG ASEAN: TỪ Ý TƯỞNG ĐẾN HIỆN THỰC

1. Ý tưởng, mục tiêu và kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN

a. Ý tưởng xây dựng cộng đồng ASEAN

- **Ý tưởng xây dựng Cộng đồng ASEAN** khởi nguồn từ khi tổ chức này được thành lập năm 1967. Trong Tuyên bố Băng Cốc (1967), các nước thành viên đã nêu mục tiêu xây dựng một cộng đồng hoà bình và thịnh vượng ở Đông Nam Á.

- **Năm 1997**, ý tưởng xây dựng Cộng đồng ASEAN được chính thức khẳng định nhân dịp kỉ niệm 30 năm ngày thành lập ASEAN. Cũng trong năm 1997, Hội nghị cấp cao ASEAN không chính thức lần thứ hai tại Ma-lai-xi-a đã thông qua văn kiện mang tên Tầm nhìn ASEAN 2020.

- **Tầm nhìn ASEAN 2020** là văn bản đầu tiên đề xuất ý tưởng xây dựng một Cộng đồng ASEAN có nhận thức về các mối quan hệ lịch sử, gắn bó với nhau trong một bản sắc khu vực chung, cùng nhau giữ gìn hoà bình, hướng tới ổn định, tương trợ, hợp tác phát triển phồn vinh, tăng cường vị thế ASEAN trên trường quốc tế.

b. Mục tiêu

- **Mục tiêu tổng quát của Cộng đồng ASEAN** là xây dựng một tổ chức hợp tác liên chính phủ có liên kết sâu rộng, dựa trên cơ sở pháp lí là Hiến chương ASEAN.

- **Cộng đồng ASEAN được hình thành dựa trên ba trụ cột** là Cộng đồng Chính trị - An ninh, Cộng đồng Kinh tế và Cộng đồng Văn hoá - Xã hội.

c. Kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN

- Các nước thành viên thông qua kế hoạch triển khai cụ thể trên ba trụ cột: Cộng đồng Chính trị - An ninh, Cộng đồng Kinh tế và Cộng đồng Văn hoá - Xã hội.

- Ngày 22/11/2015 các nhà lãnh đạo ASEAN đã kí Tuyên bố Cua-la Lăm-pơ chính thức thành lập Cộng đồng ASEAN từ ngày 31/12/2015.

2. Ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN

a. Cộng đồng Chính Trị - An ninh ASEAN

- **Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN (APSC)** là khuôn khổ hợp tác chính trị an ninh toàn diện nhằm mục tiêu xây dựng một môi trường hoà bình và an ninh cho phát triển ở khu vực Đông Nam Á thông qua việc nâng cao hợp tác chính trị - an ninh trong khối ASEAN, kết hợp với sự tham gia của các đối tác bên ngoài.

b. Cộng đồng Kinh tế ASEAN

- **Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC)** là khuôn khổ hợp tác xây dựng ASEAN thành một thị trường và một nền tảng sản xuất thống nhất, trong đó có sự lưu chuyển tự do của hàng hoá, dịch vụ, đầu tư, vốn và lao động có tay nghề.

- **AEC thúc đẩy chính sách cạnh tranh** về kinh tế, bảo vệ người tiêu dùng, bảo vệ sở hữu trí tuệ, phát triển cơ sở hạ tầng, thương mại điện tử,... hướng tới sự thịnh vượng chung của các quốc gia thành viên.

c. Cộng đồng Văn hóa – Xã hội ASEAN

- **Cộng đồng Văn hoá - Xã hội ASEAN (ASCC)** xây dựng một ASEAN lấy con người làm trung tâm, có trách nhiệm xã hội nhằm xây dựng tình đoàn kết và thống nhất bền lâu giữa các quốc gia và dân tộc ASEAN bằng cách tạo dựng bản sắc chung, xây dựng một xã hội chia sẻ, đùm bọc, hoà thuận và rộng mở, nơi cuộc sống và phúc lợi của người dân được nâng cao.

- **Kế hoạch tổng thể xây dựng ASCC được thông qua, gồm 6 nội dung chính.**

+ Phát triển con người

Commented [A1]:

- + Phúc lợi và bảo hiểm xã hội
- + Các quyền và bình đẳng xã hội
- + Bảo đảm bền vững môi trường
- + Tạo dựng bản sắc ASEAN
- + Thu hẹp khoảng cách phát triển

3. Cộng đồng ASEAN sau năm 2015

a. Triển vọng và thách thức của Cộng đồng ASEAN

- Thách thức của Cộng đồng ASEAN:

+ Thách thức an ninh đến từ cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn; thay đổi cấu trúc địa - chính trị khu vực châu Á - Thái Bình Dương nói riêng và toàn cầu nói chung.

+ Sự đa dạng của các nước thành viên về chế độ chính trị, tôn giáo; khoảng cách về phát triển kinh tế giữa các nước.

+ Nguy cơ chia rẽ của ASEAN về các vấn đề khu vực và quốc tế, đặc biệt là khi ASEAN vận hành dựa trên nguyên tắc đồng thuận.

+ Thách thức an ninh phi truyền thống gia tăng, như ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, tội phạm xuyên quốc gia, dịch bệnh,... đe dọa môi trường hoà bình, an ninh, ổn định để phát triển của Cộng đồng ASEAN.

- Triển vọng của Cộng đồng ASEAN:

+ Sự vươn lên của khu vực châu Á - Thái Bình Dương nói chung và Đông Nam Á nói riêng là cơ sở để Cộng đồng ASEAN tiếp tục phát triển với mức độ liên kết ngày càng chặt chẽ và sâu rộng trên cả ba trụ cột.

+ Cộng đồng ASEAN đang ngày càng hoàn thiện thể chế, chính sách, cơ chế hợp tác và đạt được nhiều thành tựu về chính trị, kinh tế, giáo dục, khoa học, kĩ thuật, ...; từng bước gắn kết các quốc gia Đông Nam Á để trở thành khu vực phát triển năng động, thịnh vượng mới của thế giới.

+ Về đối ngoại, vị thế của ASEAN ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế. ASEAN có quan hệ rộng mở với các đối tác bên ngoài, tham gia và đóng vai trò quan trọng tại nhiều diễn đàn lớn trên thế giới.

CHỦ ĐỀ 3. CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945, CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ CHIẾN TRANH BẢO VỆ TÔ QUỐC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TỪ THÁNG 8 NĂM 1945 ĐẾN NAY)

Bài 6. CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945

1. Bối cảnh lịch sử

- **Tình hình thế giới:** đầu tháng 8/1945, CTTG thứ hai đã đi đến những ngày cuối cùng. Ngày 15/8/1945, Nhật Bản chính thức đầu hàng vô điều kiện Đồng minh.

- Tình hình Việt Nam:

+ Quân Nhật ở Đông Dương rệu rã. Chính phủ thân Nhật Trần Trọng Kim hoang mang.
+ Quân Đồng minh chưa kịp vào giải giáp quân Nhật.
+ Lực lượng trung gian ngả hẳn về phía cách mạng.
+ Đảng, quân chúng đã sẵn sàng hành động.
+ Đảng Cộng sản Đông Dương có sự chuẩn bị đầy đủ về đường lối và phương pháp đấu tranh.

+ Lực lượng cách mạng được xây dựng và rèn luyện qua thực tiễn, đặc biệt là cao trào kháng Nhật cứu nước và khởi nghĩa từng phần.

→ Thời cơ cách mạng đã chín muồi. Nhân cơ hội đó, Đảng đã lãnh đạo nhân dân nổi dậy tổng khởi nghĩa.

Chủ trương của Đảng

13 – 8

- Thành lập Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc.

	- Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc ra Quân lệnh số 1, chính thức phát lệnh Tổng khởi nghĩa trong cả nước.
14 đến 15 – 8	- <i>Hội nghị toàn quốc của Đảng</i> họp ở Tân Trào: + Thông qua kế hoạch lãnh đạo toàn dân tổng khởi nghĩa. + Quyết định chính sách đối nội, đối ngoại.
16 đến 17 – 8	- <i>Đại hội quốc dân</i> họp ở Tân Trào: + Tán thành chủ trương Tổng khởi nghĩa của Đảng. + Thông qua 10 chính sách của Việt Minh. + Bầu Ủy ban Dân tộc Giải phóng Việt Nam do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.

2. Diễn biến chính

- Đến giữa tháng 8/1945, khí thế cách mạng đã sục sôi trong cả nước.
- Từ ngày 14/8/1945, tại nhiều nơi, cấp bộ Đảng, Việt Minh đã căn cứ tình hình cụ thể của địa phương để phát động nhân dân khởi nghĩa. Ngày 14, 15/8/1945 khởi nghĩa thắng lợi ở 1 số xã, huyện thuộc các tỉnh đồng bằng sông Hồng, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh.
- Chiều 16/8/1945, theo lệnh của Ủy ban khởi nghĩa, một đơn vị giải phóng quân do Võ Nguyên Giáp chỉ huy, từ Tân Trào về thị xã Thái Nguyên, mở đầu cuộc Tổng khởi nghĩa.
- Ngày 18/8/ 1945, Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam giành chính quyền sớm nhất.
- Tối 19/8/1945 khởi nghĩa thắng lợi ở Hà Nội.
- Ngày 23/8/1945, nhân dân Huế giành được chính quyền.
- Ngày 25/8/1945, khởi nghĩa giành thắng lợi tại Sài Gòn.
- Ngày 28/8/1945, khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi trong cả nước (trừ một số thị xã do quân Trung Hoa Dân quốc chiếm đóng từ trước).
- Ngày 30/8/1945, vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị. Chế độ phong kiến Việt Nam hoàn toàn sụp đổ.
- 2/9/1945, tại Quảng trường Ba Đình, chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

3. Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa và bài học lịch sử

a. Nguyên nhân thắng lợi:

- **Nguyên nhân khách quan:**
Thắng lợi của quân Đồng minh trong cuộc chiến tranh chống phát xít tạo ra thời cơ thuận lợi cho nhân dân Việt Nam Tổng khởi nghĩa.
- **Nguyên nhân chủ quan:**
- Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Đông Dương, đứng đầu là chủ tịch Hồ Chí Minh.
- Truyền thống yêu nước, tinh thần đấu tranh bất khuất của nhân dân Việt Nam trong cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do.
- Sự chủ động, linh hoạt của các cấp bộ Đảng và Mặt trận Việt Minh trong quá trình chỉ đạo khởi nghĩa.
- Quá trình chuẩn bị và xây dựng lực lượng chu đáo cho Cách mạng tháng Tám trong suốt 15 năm (từ 1930) gắn liền với những bài học kinh nghiệm quý báu.
- Có sự đồng lòng của toàn dân; chỉ đạo linh hoạt của các cấp bộ Đảng, Việt Minh để chớp thời cơ giành chính quyền.

b. Ý nghĩa lịch sử:

- **Đối với dân tộc Việt Nam**
+ Mở ra bước ngoặt lớn của dân tộc: kết thúc ách cai trị của thực dân Pháp trong hơn 80 năm, của quân phiệt Nhật Bản gần 5 năm; chấm dứt thời kì quân chủ hơn 1000 năm; lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa – nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á.

+ Mở đầu kỷ nguyên mới: kỉ nguyên độc lập, tự do, nhân dân lao động làm chủ đất nước; giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng xã hội.

+ Đưa Đảng Cộng sản Đông Dương từ một đảng hoạt động bí mật trở thành đảng cầm quyền, nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ trở thành người làm chủ đất nước.

+ Chứng tỏ năng lực lãnh đạo của Đảng Cộng sản, sự sáng tạo và tinh thần yêu nước của nhân dân; chuẩn bị điều kiện cho những thắng lợi tiếp theo của cách mạng Việt Nam.

- Đối với thế giới:

+ Góp phần vào chiến thắng chủ nghĩa phát xít trong Chiến tranh thế giới thứ hai.

+ Chọc thủng khâu yếu nhất trong hệ thống thuộc địa, làm suy yếu chủ nghĩa đế quốc.

+ Cổ vũ tinh thần đấu tranh của nhân dân các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc trên thế giới.

c. Bài học kinh nghiệm:

- Bài học về sự lãnh đạo của Đảng

- Bài học về phát huy sức mạnh của khối đoàn kết toàn dân.

- Bài học về xác định thời cơ, tạo và chớp thời cơ

- Bài học về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

BÀI 7. CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1945 – 1954)

1. Bối cảnh lịch sử

- Thế giới:

+ Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, chủ nghĩa xã hội trở thành hệ thống.

+ Phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa, phụ thuộc và phong trào đấu tranh vì hoà bình, dân chủ ở các nước tư bản chủ nghĩa phát triển mạnh.

+ Quan hệ quốc tế diễn biến phức tạp và từng bước chịu sự chi phối của Chiến tranh lạnh.

- Trong nước:

+ Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, Việt Nam bước vào kỉ nguyên độc lập, tự do.

Nhân dân Việt Nam trở thành người làm chủ đất nước, gắn bó và quyết tâm bảo vệ chế độ mới.

+ Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã bị các nước đế quốc liên kết với các thế lực thù địch trong và ngoài nước chống phá, xâm lược.

2. Diễn biến chính

a. Diễn biến cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược Nam Bộ (1945)

- Bối cảnh lịch sử:

+ Ngày 2-9-1945, khi nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn tổ chức mít tinh chào mừng ngày Độc lập, quân Pháp đã xả súng vào người dân.

+ Đêm 22 rạng sáng ngày 23-9-1945, quân Pháp đánh úp trụ sở Ủy ban nhân dân Nam Bộ và cơ quan tự vệ thành phố Sài Gòn, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam lần thứ hai.

- Diễn biến chính:

+ Quân dân Sài Gòn - Chợ Lớn cùng quân dân Nam Bộ đã nhất tề đứng lên chiến đấu chống quân xâm lược bằng nhiều hình thức.

+ Hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng và Chính phủ, hàng vạn thanh niên gia nhập quân đội, xung phong vào đội quân “Nam tiến”, cùng nhân dân Nam Bộ và Nam Trung Bộ kháng chiến.

- Ý nghĩa:

+ Giáng đòn đầu tiên vào kế hoạch “đánh nhanh, thắng nhanh” của Pháp, đẩy quân Pháp vào thế bị động và phải giam chân tại đây trong nhiều tháng.

+ Tạo điều kiện để cả nước chuẩn bị lực lượng cho cuộc kháng chiến lâu dài.

b. Những năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946 – 1950)

+ Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp bùng nổ:

- Từ tháng 11-1946, thực dân Pháp từng bước khiêu khích, tấn công quân sự tại Hải Phòng, Lạng Sơn, Đà Nẵng, Hà Nội,... Ngày 18-12-1946, Pháp gửi tới hậu thư đòi Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu, để cho quân Pháp làm nhiệm vụ giữ gìn trật tự ở Hà Nội. Nếu yêu cầu này không được chấp nhận thì chậm nhất sáng ngày 20-12-1946 quân Pháp sẽ hành động.

- Trước những hành động gây hấn của Pháp, ngày 18 và 19-12-1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp mở rộng tại Vạn Phúc (Hà Nội) quyết định phát động kháng chiến toàn quốc.

+ **Một số thắng lợi quân sự tiêu biểu trong những năm 1946-1950:**

- **Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía bắc vĩ tuyến 16 (tháng 12-1946 đến tháng 2-1947)**

+ **Diễn biến:** diễn ra từ ngày 19-12-1946 đến ngày 17-2-1947 ở các đô thị như: Nam Định, Vinh,...Đặc biệt, ở Hà Nội, các trận đánh ác liệt đã diễn ra tại khu vực Bắc Bộ Phủ, Bưu điện Bờ Hồ, ga Hàng Cỏ, phố Khâm Thiên,...

+ **Kết quả:** đã giam chân quân Pháp ở Hà Nội và các thành phố, thị xã; lực lượng quân chủ lực của ta đã chủ động rút lui an toàn ra căn cứ kháng chiến.

+ **Ý nghĩa:** làm thất bại một bước kế hoạch “đánh nhanh, thắng nhanh” của thực dân Pháp; có thêm thời gian để di chuyển cơ quan kháng chiến, cơ sở vật chất,...lên chiến khu; củng cố niềm tin của quân dân cả nước vào thắng lợi của cuộc kháng chiến.

- **Chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947**

+ **Diễn biến:** diễn ra từ tháng 10 đến tháng 12-1947 khi thực dân Pháp mở cuộc tấn công lên Việt Bắc. Quân đội Việt Nam chủ động bao vây, tiến công đẩy lùi quân Pháp khỏi một số vị trí quan trọng: Chợ Đồn, Chợ Rã, Đoan Hùng...

+ **Kết quả:** Sau hai tháng, đại bộ phận quân Pháp phải rút chạy khỏi Việt Bắc; cơ quan đầu não của cuộc kháng chiến được bảo vệ an toàn; bộ đội ta thu được nhiều vũ khí và ngày càng trưởng thành.

+ **Ý nghĩa:** Đây là chiến dịch phản công lớn đầu tiên, đã làm thất bại hoàn toàn kế hoạch “đánh nhanh, thắng nhanh” của thực dân Pháp, mở ra giai đoạn mới của cuộc kháng chiến.

- **Chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950**

+ **Diễn biến:** diễn ra từ tháng 9 đến tháng 10-1950 ở khu vực biên giới Việt-Trung. Quân đội Việt Nam tấn công cứ điểm Đông Khê, mai phục, chặn đánh quân Pháp ở nhiều nơi trên Đường số 4, buộc chúng phải rút chạy.

+ **Kết quả:** Sau gần một tháng, quân ta đã giải phóng được khu vực biên giới rộng lớn, mở đường liên lạc quốc tế, bảo vệ được căn cứ địa Việt Bắc, chọc thủng Hành lang Đông-Tây, làm phá sản Kế hoạch Rơ-ve của Pháp.

+ **Ý nghĩa:** Đây là chiến dịch tiến công lớn đầu tiên của bộ đội chủ lực Việt Nam. Từ đây, quân đội Việt Nam đã giành được thế chủ động trên chiến trường chính (Bắc Bộ), mở ra bước phát triển mới của cuộc kháng chiến.

c. Bước phát triển mới của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1951–1953)

Bối cảnh lịch sử: Từ cuối năm 1950, được sự ủng hộ và viện trợ của Mỹ, Pháp đề ra kế hoạch Đờ Lát đờ Tát-xi-nhi, tập trung lực lượng xây dựng tuyến công sự phòng thủ bao quanh trung du và đồng bằng Bắc Bộ, tiến hành chiến tranh tổng lực bình định vùng tạm chiếm.

=> Trong bối cảnh mới, quân dân cả nước tiếp tục đẩy mạnh kháng chiến, giành được thắng lợi trên nhiều lĩnh vực.

Những thắng lợi tiêu biểu

- **Chính trị:**

+ Tháng 2-1951, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương họp tại Chiêm Hoá (Tuyên Quang), quyết định đưa Đảng ra hoạt động công khai với tên gọi Đảng Lao động Việt Nam.

+ Tháng 3-1951, Mặt trận Việt Minh và Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam hợp nhất thành Mặt trận Liên Việt; Liên minh nhân dân Việt - Miên - Lào được thành lập.

- **Quân sự:** Quân đội nhân dân Việt Nam chủ động mở nhiều chiến dịch tiến công và phản công để giữ vững quyền chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ: các chiến dịch ở trung du đồng bằng Bắc Bộ (1950-1951); chiến dịch Hoà Bình (1951 - 1952); chiến dịch Tây Bắc (1952); chiến dịch Thượng Lào (1953),...

- **Kinh tế:**

+ Thủ công nghiệp và công nghiệp cơ bản đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và một phần nhu cầu vũ khí, đạn dược, quân trang, quân dụng cho bộ đội.

+ Nông nghiệp có bước phát triển mới

- **Văn hoá:**

+ Tiếp tục triển khai thực hiện cuộc Cải cách giáo dục lần thứ nhất (tiến hành từ năm 1950) theo phương châm: phục vụ kháng chiến, phục vụ dân sinh, phục vụ sản xuất.

+ Phong trào văn hoá, văn nghệ quần chúng phát triển rộng khắp.

d. Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp kết thúc (1953 – 1954).

Cuộc Tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954:

- Tháng 7 – 1953, được sự viện trợ của Mỹ, Pháp đề ra kế hoạch Nava với mục tiêu trong 18 tháng giành thắng lợi quân sự quyết định để “*kết thúc chiến tranh trong danh dự*”.

- Tháng 9 – 1953, Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp và đề ra kế hoạch tác chiến trong Đông – Xuân 1953 – 1954.

- *Phương hướng chiến lược:* Tấn công vào những hướng quan trọng mà địch *tương đối yếu*, nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, giải phóng đất đai, *buộc địch phải bị động phân tán lực lượng để đối phó với ta (tránh chỗ mạnh, đánh chỗ yếu)*.

- *Diễn biến:* Trong cuộc Tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954, ta mở nhiều chiến dịch tấn công quân Pháp ở Lai Châu, Trung Lào, Thượng Lào, Bắc Tây Nguyên...

- *Ý nghĩa:* Làm phá sản bước đầu kế hoạch Nava, chuẩn bị về vật chất và tinh thần để mở chiến dịch Điện Biên Phủ.

Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954:

- *Ám mưu của Pháp:* Tháng 11- 1953, sau khi phát hiện bộ đội chủ lực Việt Nam tiến công Tây Bắc, Na-va điều quân chiếm giữ Điện Biên Phủ, xây dựng nơi đây thành một tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương.

- *Chủ trương của ta:* Tháng 12 – 1953, Bộ Chính trị họp và quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ nhằm:

+ Tiêu diệt lực lượng quân Pháp.

+ Giải phóng Tây Bắc, tạo điều kiện giải phóng Bắc Lào.

+ Giành thắng lợi quân sự quyết định.

- *Diễn biến:* Chiến dịch Điện Biên Phủ diễn ra 3 đợt (13/3/1954 đến 7/5/1954)

Thời gian	Sự kiện chính
13 – 3 đến 17 – 3	- Tiến công địch ở phân khu Bắc, tiêu diệt cứ điểm Him Lam, Độc Lập, buộc địch ở Bản Kéo phải ra hàng.
30 – 3 đến 26 – 4	- Mở nhiều đợt tiến công đánh vào các vị trí phòng thủ phía đông phân khu Trung tâm, gồm hệ thống phòng thủ trên các dãy đồi A1, D1, C1, E1. Mỹ phải tăng cường viện trợ khẩn cấp cho Pháp ở Đông Dương.
1 – 5 đến 7 – 5	- Đồng loạt tiến công tiêu diệt các điểm đề kháng còn lại của địch. Chiều 7 – 5 – 1954, tướng Đờ Cátxtori cùng toàn bộ Bộ Tham mưu của quân Pháp đầu hàng.

- *Kết quả, ý nghĩa:* Thắng lợi của cuộc Tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954, đỉnh cao là Chiến dịch Điện Biên Phủ đã:

+ Làm phá sản hoàn toàn kế hoạch Nava.

- + Giáng đòn quyết định vào ý chí xâm lược của thực dân Pháp.
- + Làm xoay chuyển cục diện chiến tranh.
- + Tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh ngoại giao giành thắng lợi tại Hội nghị Giơ-ne-vơ về chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình ở Đông Dương.

3. Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

a. Nguyên nhân thắng lợi

***Nguyên nhân chủ quan:**

- Sự lãnh đạo của Đảng Lao động Việt Nam, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, với đường lối kháng chiến đúng đắn, được vận dụng linh hoạt, sáng tạo.
- Truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết và ý chí kiên cường trong đấu tranh chống ngoại xâm của nhân dân Việt Nam.
- Hệ thống chính quyền dân chủ nhân dân trong cả nước và mặt trận dân tộc thống nhất được củng cố, mở rộng; lực lượng vũ trang không ngừng lớn mạnh; hậu phương rộng lớn, vững chắc về mọi mặt.

***Nguyên nhân khách quan:**

- Sự đoàn kết chiến đấu của liên minh nhân dân ba nước Đông Dương.
- Sự ủng hộ, giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là Trung Quốc và Liên Xô.
- Sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân Pháp và nhân dân tiến bộ, yêu chuộng hoà bình trên thế giới.

b. Ý nghĩa lịch sử

***Đối với Việt Nam:**

- Chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược và ách thống trị của thực dân Pháp trong gần một thế kỉ ở Việt Nam.
- Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, tạo cơ sở để giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

***Đối với thế giới:**

- Giáng đòn nặng nề vào tham vọng nô dịch của chủ nghĩa đế quốc sau Chiến tranh thế giới thứ hai;
- Góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cũ;
- Cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

BÀI 8. CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (1954 - 1975)

1. Bối cảnh lịch sử

- Thế giới:

- + Chiến tranh lạnh và cục diện đối đầu Đông - Tây tiếp tục diễn ra ngày càng căng thẳng. Quan hệ giữa các nước lớn có nhiều diễn biến phức tạp.
- + Phong trào giải phóng dân tộc, phong trào đấu tranh vì hoà bình, dân chủ phát triển mạnh.
- + Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô, Trung Quốc và các nước Đông Âu đạt được nhiều thành tựu quan trọng.

- Trong nước:

Sau khi Hiệp định Giơ-ne-vơ được kí kết, Việt Nam tạm thời bị phân chia thành hai miền:

+ **Miền Bắc** được hoàn toàn giải phóng, tạo điều kiện cho việc thực hiện các nhiệm vụ cách mạng của cả nước;

+ **Miền Nam**, Mỹ thay thế Pháp dựng lên chính quyền Ngô Đình Diệm, phá hoại Hiệp định Giơ-ne-vơ, thực hiện chia cắt Việt Nam, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ ở Đông Nam Á.

2. Các giai đoạn phát triển chính

a. Giai đoạn 1954 – 1960

****Miền Bắc:***

- Từ 1954-1957: Hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh

+ Trong hơn 2 năm (1954 - 1956), miền Bắc tiếp tục tiến hành 6 đợt giảm tô, 4 đợt cải cách ruộng đất. Khẩu hiệu “người cày có ruộng” trở thành hiện thực.

+ Công cuộc khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh được triển khai rộng rãi ở nhiều ngành nghề, lĩnh vực (nông nghiệp, thương nghiệp, giao thông vận tải,...).

- Từ 1958-1960: Cải tạo quan hệ sản xuất, bước đầu phát triển kinh tế - xã hội

+ Việc cải tạo quan hệ sản xuất được thực hiện trên các lĩnh vực kinh tế, khâu chính là hợp tác hoá nông nghiệp.

+ Phát triển thành phần kinh tế quốc doanh là nhiệm vụ trọng tâm của công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội.

- Ý nghĩa:

Việc hoàn thành cải cách ruộng đất, thực hiện nhiệm vụ cải tạo quan hệ sản xuất, bước đầu phát triển kinh tế - xã hội đã:

+ Làm cho cơ cấu kinh tế - xã hội miền Bắc thay đổi, tạo cơ sở cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trong giai đoạn tiếp theo;

+ Xây dựng miền Bắc trở thành căn cứ địa cách mạng của cả nước, là hậu phương vững chắc của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

****Miền Nam***

- Từ 1954-1958: Đấu tranh chính trị chống chế độ Mỹ - Diệm, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng

+ Đấu tranh chính trị đòi Mỹ - Diệm thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ, đòi quyền tự do, dân chủ; chống khủng bố, đàn áp.

+ Từ năm 1957, phong trào bước đầu chuyển sang kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang.

- Từ 1959-1960: Phong trào Đồng khởi

+ Nghị quyết 15 của Đảng Lao động Việt Nam quyết định sử dụng bạo lực cách mạng để đánh đổ chính quyền Mỹ - Diệm.

+ Ban đầu nổ ra lẻ tẻ ở Vĩnh Thạnh (Bình Định), Bác Ái (Ninh Thuận), Trà Bồng (Quảng Ngãi), sau đó lan nhanh thành phong trào trên khắp Nam Bộ, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Trung Trung Bộ, tiêu biểu là ở tỉnh Bến Tre.

+ Ý nghĩa của phong trào Đồng khởi:

▪ Giáng đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mỹ;

▪ Làm lung lay chính quyền Ngô Đình Diệm;

▪ Đưa cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

▪ Từ khí thế của phong trào Đồng khởi, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời (20-12-1960).

b. Giai đoạn 1961 – 1965

****Miền Bắc thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất, đẩy mạnh chi viện cho miền Nam***

- Miền Bắc thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965) nhằm bước đầu xây dựng cơ sở vật chất - kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội, với trọng tâm là phát triển công nghiệp, nông nghiệp, tiếp tục cải tạo xã hội chủ nghĩa, tăng cường thành phần kinh tế quốc doanh, cải thiện đời sống nhân dân, củng cố quốc phòng, an ninh.

- Kết quả:

+ Sức mạnh của hậu phương miền Bắc được tăng cường.

+ Hoạt động chi viện cho tiền tuyến miền Nam được đẩy mạnh.

****Miền Nam chiến đấu chống chiến lược Chiến tranh đặc biệt của Mỹ***

- Hành động của Mỹ và chính quyền Sài Gòn:

+ Từ năm 1961, Mỹ chuyển sang thực hiện chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”.
+ “Chiến tranh đặc biệt” là loại hình chiến tranh xâm lược thực dân mới được tiến hành bằng quân đội Sài Gòn, dưới sự chỉ huy của hệ thống cố vấn Mỹ, dựa vào trang bị vũ khí và phương tiện kỹ thuật của Mỹ.

+ Để thực hiện kế hoạch, Mỹ và quân đội Sài Gòn tiến hành dồn dân lập “ấp chiến lược”, sử dụng các chiến thuật “trục thẳng vận” và “thiết xa vận”; mở các cuộc hành quân càn quét lực lượng cách mạng.

- Chủ trương đấu tranh của Đảng Lao động Việt Nam:

+ 2/1961: Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời
+ Chiến đấu chống Mỹ và chính quyền Sài Gòn trên cả ba vùng chiến lược (rừng núi, đồng bằng và đô thị);

+ Đánh địch bằng ba mũi giáp công (chính trị, quân sự, binh vận)

- Những thắng lợi quan trọng:

+ *Đấu tranh quân sự*
▪ Chiến thắng Ấp Bắc (1963) mở ra khả năng đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”.
▪ Các chiến thắng Bình Giã (1964), An Lão (1964), Ba Gia, Đồng Xoài (1965)... từng bước phá sản chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ.

+ *Đấu tranh chính trị*
▪ Phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân ở các đô thị lớn như Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng phát triển mạnh.

+ Các cuộc đấu tranh của học sinh, sinh viên, tín đồ Phật giáo, “Đội quân tóc dài”,... đã góp phần đưa đến sự sụp đổ của chính quyền Ngô Đình Diệm.

+ *Phong trào phá “Ấp chiến lược”*

▪ Phong trào phá “Ấp chiến lược” ở nông thôn diễn ra mạnh mẽ.
▪ Đến giữa năm 1965, “Ấp chiến lược” xương sống của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” bị phá sản về cơ bản.

c. Giai đoạn 1965 – 1968

****Miền Nam chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ***

- Hành động của Mỹ và chính quyền Sài Gòn:

+ Từ giữa năm 1965, Mỹ chuyển sang thực hiện chiến lược “Chiến tranh cục bộ”.
+ “Chiến tranh cục bộ” là loại hình chiến tranh được tiến hành chủ yếu bằng quân đội Mỹ, kết hợp với quân đồng minh của Mỹ và quân đội Sài Gòn.

+ Quân đội Mỹ mở hàng loạt các cuộc hành quân “tìm diệt” và “bình định” ở miền Nam, đồng thời tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất

- Những thắng lợi quan trọng của quân dân miền Nam:

+ *Mặt trận quân sự:*
▪ Giành thắng lợi mở đầu ở Núi Thành (1965), Vạn Tường (1965).
▪ Chiến thắng trong hai mùa khô: 1965 - 1966 và 1966 - 1967.
▪ Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1968 đã làm phá sản chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, buộc Mỹ phải tuyên bố chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc.

+ *Mặt trận chính trị:*

▪ Ở thành thị, phong trào đấu tranh của công nhân, học sinh, sinh viên,... đòi Mỹ rút quân về nước, đòi tự do, dân chủ tiếp tục diễn ra mạnh mẽ.

▪ Vị thế và uy tín của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam được nâng cao.

+ *Mặt trận ngoại giao:*

▪ Đấu tranh ngoại giao được nâng lên thành một mặt trận từ đầu năm 1967.

▪ Đàm phán chính thức giữa đại diện Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và đại diện Chính phủ Mỹ diễn ra tại Pa-ri (1968).

****Miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mỹ, vừa sản xuất và thực hiện nghĩa vụ hậu phương***

- Chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất:

+ Ngày 5-8-1964, sau khi dựng lên “sự kiện Vịnh Bắc Bộ”, Mỹ cho không quân đánh phá một số địa điểm ở miền Bắc. Từ năm 1965, Mỹ chính thức mở rộng chiến tranh ra miền Bắc lần thứ nhất, nhằm phá hoại tiềm lực kinh tế, quốc phòng và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội; ngăn chặn nguồn chi viện từ miền Bắc vào miền Nam; uy hiếp tinh thần, làm lung lay ý chí chiến đấu của nhân dân Việt Nam.

+ Trong hơn 4 năm chống chiến tranh phá hoại của Mỹ, quân và dân miền Bắc đã bắn rơi và phá huỷ 3243 máy bay, bắn chìm 143 tàu chiến của địch. Cuối năm 1968, Mỹ tuyên bố ngừng ném bom miền Bắc.

- Miền Bắc tiếp tục thực hiện tốt vai trò của hậu phương lớn, duy trì hoạt động sản xuất và chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam với tinh thần “Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”.

d. Giai đoạn 1969 – 1973

****Miền Nam chiến đấu chống chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” của Mỹ***

- Hành động của Mỹ và chính quyền Sài Gòn:

+ Từ năm 1969, Mỹ chuyển sang thực hiện chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” và mở rộng chiến tranh sang Lào, Cam-pu-chia.

+ “Việt Nam hoá chiến tranh” là loại hình chiến tranh được tiến hành chủ yếu bằng lực lượng quân đội Sài Gòn, có sự phối hợp về hoà lực, không quân, hải quân, hậu cần Mỹ và do cố vấn Mỹ chỉ huy.

+ Thủ đoạn:

▪ Mỹ từng bước rút quân về nước nhưng vẫn tiếp tục viện trợ quân sự cho chính quyền Sài Gòn, đồng thời hỗ trợ quân đội Sài Gòn mở các cuộc hành quân sang Cam-pu-chia (1970), tăng cường chiến tranh ở Lào (1971).

▪ Mỹ cũng thực hiện các chính sách ngoại giao để hạn chế sự giúp đỡ của Trung Quốc, Liên Xô đối với cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam;

▪ Gây chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai.

- Thắng lợi tiêu biểu của quân dân miền Nam:

+ *Mặt trận quân sự:*

▪ Đánh bại cuộc hành quân xâm lược Campuchia (1970).

▪ Đánh bại cuộc hành quân Lam Sơn 719 ở Đường 9-Nam Lào (1971).

▪ Chiến dịch Cánh đồng Chum-Xiêng Khoảng thắng lợi (1972)

▪ Cuộc Tiến công chiến lược năm 1972 đã chọc thủng 3 phòng tuyến mạnh nhất của quân đội Sài Gòn ở Quảng Trị, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, buộc Mỹ phải tuyên bố “Mỹ hoá” trở lại chiến tranh (tức thừa nhận sự thất bại của chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh”).

+ *Mặt trận chính trị:*

▪ Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hoà Miền Nam Việt Nam ra đời (tháng 6-1969).

▪ Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương họp, biểu thị quyết tâm đoàn kết chiến đấu chống Mỹ (tháng 4-1970).

+ *Mặt trận ngoại giao:*

▪ Đàm phán bốn bên chính thức diễn ra tại Pa-ri (25-1- 1969).

▪ Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam được kí kết (ngày 27-1-1973).

****Miền Bắc chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mỹ và thực hiện nghĩa vụ hậu phương***

- Chiến đấu chống chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai:

+ Trước nguy cơ chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” bị phá sản, từ tháng 4-1972 đến tháng 12-1972, Mỹ tiếp tục gây chiến tranh bằng không quân và hải quân phá hoại miền Bắc lần thứ hai.

+ Từ ngày 18 đến ngày 29-12-1972, Mỹ tiến hành cuộc tập kích chiến lược đường không bằng máy bay B-52 vào Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố ở miền Bắc, nhằm giành thắng lợi quân sự quyết định, buộc Việt Nam phải kí hiệp định có lợi cho Mỹ.

+ Qua 12 ngày đêm chiến đấu, quân dân miền Bắc đã bắn rơi 81 máy bay, trong đó có 34 máy bay B-52. Thắng lợi này được coi như trận “Điện Biên Phủ trên không”, buộc Mỹ phải tuyên bố ngừng hẳn các hoạt động chống phá miền Bắc và kí Hiệp định Pa-ri (1973) về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam.

- Làm nghĩa vụ hậu phương:

Trong những năm 1969 - 1972, miền Bắc tiếp tục chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến miền Nam và chiến trường Lào, Cam-pu-chia.

e. Giai đoạn 1973 – 1975

***Miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội, tiếp tục thực hiện nghĩa vụ hậu phương**

- Khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội:

+ Đến năm 1974, về cơ bản miền Bắc đã khôi phục các cơ sở kinh tế, hệ thống thủy nông, mạng lưới giao thông, các công trình văn hoá, giáo dục, y tế.

+ Cuối năm 1974, sản xuất nông nghiệp, công nghiệp trên một số ngành, lĩnh vực đã đạt và vượt mức năm 1964 và năm 1971. Đời sống nhân dân ổn định.

- Chi viện cho miền Nam, Lào, Cam-pu-chia:

+ Trong hai năm 1973 - 1974, miền Bắc đã đưa vào chiến trường miền Nam, Lào, Cam-pu-chia gần 20 vạn bộ đội. Đầu năm 1975 tăng thêm vào 57 000 bộ đội.

+ Miền Bắc tăng cường chi viện vật chất - kĩ thuật, bảo đảm đầy đủ nhu cầu cấp bách cho chiến trường miền Nam.

***Miền Nam đấu tranh chống “bình định - lấn chiếm”, tạo thế và lực tiến tới giải phóng hoàn toàn**

- Chiến đấu chống “bình định - lấn chiếm”:

+ Từ tháng 3-1973, chính quyền Sài Gòn tiến hành chiến dịch “tràn ngập lãnh thổ”, mở các cuộc hành quân “bình định - lấn chiếm” vùng giải phóng.

+ Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 21 của Đảng Lao động Việt Nam (tháng 7-1973), từ cuối năm 1973, quân dân miền Nam tiến hành các cuộc đấu tranh chống “bình định - lấn chiếm”, đồng thời chủ động mở một số cuộc tiến công để mở rộng vùng giải phóng.

+ Cuối năm 1974, đầu năm 1975, quân dân miền Nam mở đợt hoạt động quân sự ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ, giành thắng lợi quan trọng ở Đường 14 - Phước Long (6-1-1975).

- Giải phóng miền Nam:

+ Hoàn cảnh lịch sử:

▪ Chiến thắng Đường 14 - Phước Long thể hiện sự lớn mạnh và khả năng thắng lợi của Quân Giải phóng, đồng thời cho thấy sự suy yếu, bất lực của quân đội Sài Gòn và khả năng can thiệp trở lại của Mỹ là rất hạn chế.

▪ Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã bổ sung, hoàn chỉnh kế hoạch giải phóng miền Nam trong hai năm 1975 và 1976, đồng thời chỉ rõ: “Nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975”.

+ Diễn biến chính:

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 diễn ra trong gần hai tháng, trải qua ba chiến dịch lớn.

▪ *Chiến dịch Tây Nguyên (4-3 đến 24-3-1975)*: Quân Giải phóng giành thắng lợi trong trận then chốt Buôn Ma Thuột, khiến hệ thống phòng thủ của địch ở Tây Nguyên rung chuyển rồi sụp đổ. Chiến dịch Tây Nguyên thắng lợi đã chuyển cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước từ tiền công chiến lược sang tổng tiến công chiến lược trên toàn chiến trường miền Nam.

▪ *Chiến dịch Huế - Đà Nẵng (21-3 đến 29-3-1975)*: Quân Giải phóng tấn công, giải phóng thành phố Huế, toàn tỉnh Thừa Thiên và Đà Nẵng, mở ra khả năng giải phóng hoàn toàn miền Nam ngay trong năm 1975.

▪ *Chiến dịch Hồ Chí Minh (26-4 đến 30-4-1975)*: Quân Giải phóng tấn công, giải phóng Sài Gòn - Gia Định. Trưa ngày 30-4-1975, Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng không điều kiện, chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng.

+ Kết quả:

Đến ngày 2-5-1975, toàn bộ miền Nam cùng các đảo và quần đảo hoàn toàn được giải phóng.

3. Nguyên nhân thắng lợi

***Nguyên nhân chủ quan**

- Sự lãnh đạo với đường lối đúng đắn, sáng tạo của Đảng Lao động Việt Nam, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

- Truyền thống yêu nước, đoàn kết của nhân dân Việt Nam ở cả hai miền Nam, Bắc.

- Vai trò của hậu phương miền Bắc, đáp ứng kịp thời các yêu cầu của cuộc chiến đấu ở hai miền.

***Nguyên nhân khách quan**

- Tinh thần đoàn kết, sự phối hợp chiến đấu, giúp đỡ lẫn nhau của ba nước Đông Dương.

- Sự ủng hộ, giúp đỡ to lớn của các lực lượng tiến bộ, hoà bình, dân chủ và các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là Trung Quốc, Liên Xô.

- Phong trào nhân dân Mỹ và nhân dân tiến bộ trên thế giới phản đối cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam.

4. Ý nghĩa lịch sử

***Đối với Việt Nam**

- Kết thúc 21 năm chiến đấu chống Mỹ, 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945.

- Chấm dứt hoàn toàn ách thống trị của chủ nghĩa thực dân - đế quốc ở Việt Nam, trên cơ sở đó hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thống nhất đất nước.

- Mở ra kỉ nguyên mới của Việt Nam: kỉ nguyên đất nước độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.

***Đối với thế giới**

- Tác động mạnh mẽ đến tình hình nước Mỹ và thế giới.

- Cổ vũ to lớn đối với phong trào cách mạng thế giới nửa sau thế kỉ XX, đặc biệt là phong trào giải phóng dân tộc.

BÀI 9: ĐẤU TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TỪ SAU THÁNG 4 NĂM 1975 ĐẾN NAY. MỘT SỐ BÀI HỌC LỊCH SỬ CỦA CÁC CUỘC KHÁNG CHIẾN BẢO VỆ TỔ QUỐC TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY

1. Bối cảnh lịch sử của các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4-1975

Trên thế giới: Xu thế hoà hoãn Đông - Tây tiếp tục diễn ra, tuy nhiên quan hệ giữa các nước lớn vẫn chứa nhiều yếu tố phức tạp.

Ở trong nước:

- Đất nước thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.

- Tình hình kinh tế - xã hội khó khăn do hậu quả chiến tranh và chính sách bao vây, cấm vận của Mỹ.

- Quan hệ giữa Việt Nam với Trung Quốc và Cam-pu-chia có nhiều dấu hiệu bất ổn.

2. Diễn biến chính của các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975.

a. Cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam (1975 – 1979).

- Từ đầu tháng 5 – 1975 đến năm 1978, tập đoàn Pôn Pốt thể hiện ý đồ chiếm đảo Phú Quốc, Thổ Chu và xâm phạm nhiều vùng lãnh thổ dọc biên giới của Việt Nam từ Hà Tiên đến Tây Ninh.

- Tháng 12 – 1978, Pôn Pốt tấn công quy mô lớn vào lãnh thổ Việt Nam tại Tây Ninh. Quân đội nhân dân Việt Nam đã tổ chức phản công, truy kích đối phương đến tận nơi xuất phát.

- Theo yêu cầu giúp đỡ của *Mặt trận Đoàn kết dân tộc cứu nước Cam-pu-chia*, quân tình nguyện Việt Nam cùng nhân dân Cam-pu-chia lật đổ chế độ diệt chủng Khơ-me Đỏ.

- Ngày 7 – 1 – 1979, thủ đô Phnôm Pênh được giải phóng.

b. Cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc (1979 – 1989).

- Ngày 17 – 2 – 1979, Trung Quốc điều động 32 sư đoàn đồng loạt mở cuộc tấn công vào lãnh thổ Việt Nam, dọc biên giới từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến Phong Thổ (Lai Châu).

- Để bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ, quân dân Việt Nam, trực tiếp là quân dân sáu tỉnh biên giới phía Bắc, đã đứng lên chiến đấu.

- Hành động xâm lược Việt Nam của Trung Quốc đã vấp phải sự phản đối mạnh mẽ của dư luận. Tháng 3 – 1979, Trung Quốc rút quân về nước.

- Sau khi rút quân, Trung Quốc tiếp tục gây xung đột, lấn chiếm lãnh thổ Việt Nam, đặc biệt là tại Vị Xuyên (Hà Giang) trong giai đoạn 1984 – 1989.

c. Cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia của Việt Nam ở Biển Đông.

Quan điểm của Việt Nam

Trong quá trình bảo vệ chủ quyền quốc gia ở Biển Đông, Việt Nam luôn kiên định con đường đấu tranh bằng các biện pháp phù hợp với luật pháp quốc tế trên nguyên tắc bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và lợi ích quốc gia.

- Năm 1977, Chính phủ Việt Nam ra *Tuyên bố về lãnh hải, vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam*.

- Năm 1994, Việt Nam phê chuẩn *Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển* năm 1982 (UNCLOS).

- Năm 1982, Chính phủ Việt Nam thành lập huyện Hoàng Sa, thuộc Quảng Nam – Đà Nẵng (*nay thuộc thành phố Đà Nẵng*) và huyện Trường Sa, thuộc Đồng Nai (*nay thuộc Khánh Hòa*).

- Năm 2007, Chính phủ Việt Nam thành lập thị trấn Trường Sa cùng hai xã đảo: Song Tử Tây và Sinh Tồn (*thuộc huyện đảo Trường Sa*).

- Năm 2012, Quốc hội thông qua Luật biển Việt Nam. Đây là cơ sở pháp lý để bảo vệ chủ quyền biển đảo, phát triển kinh tế biển.

- Việt Nam triển khai nhiều hoạt động thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa như tổ chức triển lãm hiện vật lịch sử, nghiên cứu, khảo sát khí hậu, thổ nhưỡng, xây bìa chủ quyền, xây dựng đèn biển, đưa dân ra đảo sinh sống...

- Năm 1988, Trung Quốc đưa quân đánh chiếm trái phép một số đảo, bãi đá thuộc quần đảo Trường Sa của Việt Nam (Cỏ Lin, Len Đảo, Gạc Ma...). Hải quân nhân dân Việt Nam đã anh dũng chiến đấu để bảo vệ chủ quyền biển, đảo quốc gia.

- Năm 2012, Trung Quốc thành lập thành phố Tam Sa (tự cho mình quyền quản lý quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa). Việt Nam lên án hành động của Trung Quốc, đồng thời khẳng định quyền của mình với 2 quần đảo.

- Năm 2014, Trung Quốc hạ đặt giàn khoan trái phép (Hải Dương-981) trong vùng đặc quyền kinh tế 200 hải lý và thềm lục địa của Việt Nam ở Biển Đông. Việt Nam đã tăng cường lực lượng tại khu vực, đồng thời tích cực đấu tranh ngoại giao, buộc Trung Quốc phải rút giàn khoan.

3. Ý nghĩa lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay.

- Làm thất bại ý đồ và hành động xâm lược, chống phá của các thế lực thù địch.

- Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- Làm tròn nghĩa vụ quốc tế đối với nhân dân Cam-pu-chia, thể hiện tinh thần đoàn kết quốc tế trong sáng; góp phần bảo vệ độc lập dân tộc, hoà bình, ổn định ở Đông Dương và khu vực Đông Nam Á.

4. Một số bài học lịch sử của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay.

- Phát huy tinh thần yêu nước.
- Cùng cố, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc.
- Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.
- Phát triển, sáng tạo nghệ thuật lãnh đạo và nghệ thuật quân sự.
- *Phát huy tinh thần yêu nước.*
 - + Tinh thần yêu nước của nhân dân Việt Nam là cội nguồn sức mạnh
 - + Là động lực to lớn đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.
- *Cùng cố, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc.*
 - + Đóng vai trò nền tảng tạo nên sức mạnh tổng hợp.
 - + Là nhân tố quyết định thắng lợi.
 - + Thể hiện rõ qua các chủ trương, chính sách của Đảng CSVN, đặc biệt là việc thành lập các mặt trận: Mặt trận Việt Minh, Mặt trận Liên Việt, Mặt trận DTGPMNVN, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam,...
 - + Là yếu tố góp phần ổn định xã hội, phát huy sức mạnh của toàn dân.
- *Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.*
 - + Đặc điểm nổi bật, là nhân tố quan trọng góp phần đưa đến những thắng lợi.
 - + Sự kết hợp nội lực quốc gia và điều kiện thuận lợi bên ngoài.
 - + Bài học còn nguyên giá trị trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
 - + Góp phần tạo thế và lực, nhân lên sức mạnh tổng hợp của quốc gia.
- *Phát triển, sáng tạo nghệ thuật lãnh đạo và nghệ thuật quân sự.*
 - + **Nghệ thuật lãnh đạo:** thể hiện qua đường lối và sách lược cách mạng: vừa kháng chiến vừa kiến quốc; tiến hành đồng thời cách mạng xã hội chủ nghĩa và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân; kết hợp đấu tranh chính trị- quân sự- ngoại giao,...
 - + **Nghệ thuật quân sự:** tiến hành chiến tranh nhân dân; kết hợp chiến tranh du kích với chiến tranh chính quy; mặt trận chính diện và sau lưng địch; kết hợp chặt chẽ ba thứ quân,...
 - + Góp phần phục vụ đắc lực quá trình lãnh đạo công cuộc xây dựng đất nước, xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh.
 - + Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân.

Cần Thơ, ngày tháng năm 2025

Nhóm sử 12